TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 125/2024/HSST.
Ngày: 18/12/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Thành Đô – Giáo viên trường nội trú Điểu Ong.
Bà Lê Thị Thận – Cán bộ hưu trí.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Quốc Hải – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa*:** Ông An Bắc Lừng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2024/TLST-HS, ngày 30/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-HS, ngày 06/12/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Minh Đ, sinh ngày 13/9/2007, tại tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú: Thôn 6, xã MH, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Số căn cước công dân: 070207011052; nghề nghiệp: Học sinh; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Phạm Xuân L, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/9/2024 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo*: Vợ chồng ông Phạm Xuân L, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982. (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn 6, xã MH, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Trương Thị Bích Huệ (Có mặt)

Nơi làm việc: Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Bình Phước.

- *Bị hại:* Phạm Ngọc PH, sinh năm 2008. (Vắng mặt)

Người đại diện: Ông Phạm Ngọc Tr và bà Hoàng Thị Q. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 6, xã MH, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nông Văn TH, sinh năm 1980. (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn 6, xã PS, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện trường THPT B*: Ông Trần Quang Cường. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu Đ Lập, thị trấn Đ Phong, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Minh Đ không có Giấy phép lái xe hạng A1. Đ là bạn của Phạm Minh PH học cùng trường. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 02/6/2024, Đ tự lấy xe mô tô biển số 93P2-391.98 của cha ruột để chở Phạm Ngọc PH đi chơi. Sau đó Đ điều khiển xe di chuyển trên đường ĐT 755 theo hướng từ thị trấn ĐP đi xã Đk và TN, huyện B. Khi đi đến đoạn đường có khúc cua về bên trái thuộc thôn 4, xã Đk, do xe chạy với tốc độ nhanh nên Đ không kiểm soát được xe khiến xe chạy lấn sang làn đường bên trái theo chiều đi nên va chạm với xe ô tô tải biển số 93C-006.35 do ông Nông Văn TH điều khiển theo hướng ngược lại. Hậu quả làm PH bị thương nặng, xe mô tô và xe ô tô tải bị hư hỏng.

Căn cứ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 295/KLTTCT – TTPY, ngày 19/7/2024 của Trung tâm Pháp Y – Sở Y tế tỉnh Bình Phước xác định: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Ngọc PH tại thời điêm giám định là 99%.

Căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 02/6/2024 và Biên bản dựng lại hiện trường ngày 19/9/2024 của Cơ quan CSĐT - Công an huyện B (BL: 27-28), thể hiện: Hiện trường nơi xảy ra tai nạn giao thông là đường ĐT755; thuộc thôn 4, xã Đk, huyện B, tỉnh Bình Phước. Đoạn đường nơi xảy ra vụ tai nạn là đoạn đường cong, tầm nhìn bị hạn chế, hai đầu đoạn đường nơi xảy ra tai nạn có biểu báo hiệu nguy hiểm (Chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên phải-W201Bb) mặt đường bằng phẳng. Mặt đường được trải bằng bê tông nhựa đường, có vạch kẻ đường màu vàng, nét liền phân chia đường thành 02 chiều riêng biệt. Chiều rộng mặt đường là 6m.

Ghi nhận quá trình khám nghiệm, theo hướng đường từ hướng xã PS về hướng thị trấn Đ Phong được đánh dấu theo thứ tự, được xác định và mô tả như sau:

Chọn cột điện số 68 ở bên lề phải đường làm điểm mốc; Chọn mép đường bên trái làm mép đường chuẩn.

(1) Vị trí ngã của xe mô tô biển số 93P2-391.98.

Chiếc xe mô tô biển số 93P2-391.98 ngã nghiêng bên trái trong lề phải (trên sân bê tông nhà dân). Đầu xe hướng về lề phải, đuôi xe hướng về lề trái. Tâm trục bánh xe trước cách mép đường chuẩn là 7m10. Tâm trục bánh xe sau cách mép đường chuẩn là 5m90.

(2) Dấu vết cày đầu về cày liên tục nằm phía dưới, phần đuôi xe mô tô (1). Đầu dấu vết cày hướng về hướng thị trấn Đ Phong chếch về lề trái, đuôi dấu vết cày hướng về hướng xã PS chếch về lề phải. Chiều dài dấu vết cày 0m25. Đầu dấu vết câycách mép đường chuẩn là 5m65; đuôi dấu vết cày cách mép đường chuẩn là 5m85. Khoảng cách từ đuôi dấu vết cày đến tâm trục bánh xe sau xe (1) là 0m20.

(3) Mảnh nhựa vỡ: Mảnh nhựa vỡ có màu xanh, nằm trong lề phải đường, kích thước 0m30x0m10. Tâm mành nhựa vỡ cách mép đường chuẩn là 4m25. Khoảng cách từ tâm mảnh nhựa vỡ đến tâm trục bánh xe sau xe (1) là 2m50.

(4) Dấu vết cày. Dấu vết cày liên tục không ngắt quãng, nằm trong lề phải. Đầu dấu vết cây hướng về hưởng thị trấn ĐP chếch về lề trái; đuôi dấu vết cày về hướng xã PS chếch về lề phải. Chiều dài dấu vết cày là 1m10. Đầu dấu vết cày cách mép đường chuẩn là 1m80; đuôi dấu vết cày cách mép đường chuẩn là 2m20. Khoảng cách từ đuôi dấu vết cày (4) đến tâm mành nhựa vỡ (3) là 5m70.

(5) Dấu vết phanh: Dấu vết phanh liên tục, không ngắt quãng, có màu đen nằm trên mặt đường, phần dường bên phải. Đầu dấu vết phanh hướng về hướng xã PS; đuôi dầu vết phanh hướng về hướng thị trấn Đ Phong. Chiều dài dấu vết phanh là 6m50; chiều rộng là 0m30. Tâm đầu dấu vết phanh cách mép đường chuẩn là 0m80; tâm đuôi dấu vết phanh cách mép đường chuẩn là 0m80.

Khoảng cách từ tâm đầu dầu vết phanh (5) đến dầu dấu vết cảy (4) là 4m80.

(6) Vị trí đỗ của xe ô tô tải biển số 93C-006.35: Chiếc xe ô tô tải biển số 93C-006.35 sau tai nạn đỗ bên phải đường, đầu xe hướng về lề phải chếch về hướng thị trấn Đ Phong; đuôi xe hướng về xã PS. Tâm trục bánh xe trước bên trái nằm trong lề phải, cách mép đường chuẩn là 0m05; tâm trục bánh xe sau bên trái nằm bên trên mặt đường, phần đường bên phải.

Căn cư biên bản kiểm tra xe ô tô tải, biển số: 93C-006.35 ngày 19/9/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, thể hiện:

1. Dấu vết trên phương tiện.

a. Bên ngoài: Gương chiếu hậu bên phải xe bể hoàn toàn, gãy rời khỏi xe; gương phía trước bên phải đầu xe bể 0m14x0m14; Ốp cụm đèn chiếu sáng, tín hiệu phía trước bên phải đầu xe bề 0m30x0m30, cao cách mặt đất 0m80; Cản xe trước bên phải, móp từ ngoài vào trong 0m12x0m10, cao cách mặt đất 0m55, tại vị trí dấu vết móp có dấu vết trầy xước 0m10.

b. Bên trong: Không có dấu vết gì liên quan đế vụ tai nạn.

Căn cư biên bản kiểm tra xe mô tô, biển số: 93P2-391. của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, thể hiện:

1. Dấu vết trên phương tiện: Gương chiếu hậu bên trái xe bị bung khỏi xe, có dấu vết đất bám dính 0m15; Ốp nhựa đầu xe, phía trước bể bung khỏi xe; cụm đèn chiếu sáng, tín hiệu trước bể bung khỏi xe 0m35x0m20, cao cách mặt đất 1m00; Chảng ba xe cong, ốp nhựa mặt trước xe bể hoàn toàn; yếm chắn bùn bánh xe trước bể trên diện rộng 0m33x0m20, cao cách mặt đất 0m60; Gác chân trước bên trái cong từ trước ra sau 0m10, cao cách mặt đất 0m35; Cản kim loại phía sau đuôi xe bị gãy, có dấu vết trầy xước trên bề mặt cản 0m05x0m04, cao cách mặt đất 0m85.

Về kỹ thuật an toàn phương tiện: Đồng hồ tốc độ hỏng, hệ thống lái hỏng, hệ thống điện hỏng, không có gương chiếu hậu, không có đèn chiếu sáng, tín hiệu, hệ thống phanh hư hỏng.

Tại Cáo trạng số 114/CTr –VKS, ngày 30/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Phạm Minh Đ về Tội vi phạm quy định về tham gia giao

thông đường bộ theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Về hình phạt, đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự bị cáo và bị hại đã tự thương lượng giải quyết xong nên không đề cập. Về vật chứng vụ án đã giải quyết xong nên không đề cập; về án phí buộc bị cáo phải chịu theo luật định.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo và người đại diện hợp pháp không có ý kiến tranh luận về tội danh và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát, xin được giảm nhẹ hình phạt thấp nhất.

Trợ giúp viên pháp lý thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối và đường lối xử lý với bị cáo.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai trong quá trình điều tra, truy tố không có ý kiến về tội danh và yêu cầu bồi thường thiệt hại, do các bên đã tự thương lượng bồi thường thiệt hại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Quá chuẩn chuẩn bị xét xử có ý kiến trình bày hiện nay sức khỏe bị hại đã hồi phục một phần sức khỏe và có thể lao động, vì vậy xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến yêu cầu về bồi thường thiệt hại, đã nhận lại tài sản.

Lời nói sau cùng, bị cáo hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo cơ hội không phải chấp hành hình phạt để bị cáo để bị tiếp tục sự nghiệp học tập.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội và xác định tội danh đối với bị cáo:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai bị hại trong quá trình điều tra và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện Phạm Minh Đ không có Giấy phép lái xe mô tô hạng A1. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 02/6/2024, Đ điều khiển xe mô tô biển số 93P2-391.98 chở Phạm Ngọc PH di chuyển trên đường ĐT 755 theo hướng từ thị trấn Đ P đi xã Đk và TN, huyện B. Khi Đ lưu thông đến đoạn đường cong, tầm nhìn bị hạn chế gần trụ điện số 68 ở bên lề phải đường, đoạn đường có vạch kẻ đường nét liền phân chia đường thành 02 chiều riêng biệt thuộc thôn 4, xã Đk; Lúc này do xe đi nhanh, Đ xử lý kém, khiến khiển xe lấn sang làn đường bên trái theo chiều đi của mình nên va chạm với xe ô tô tải biển số 93C-006.35 do ông Nông Văn TH điều khiển theo hướng ngược lại. Hậu quả gây tổn thương cơ thể của Phạm Ngọc PH tại thời điểm giám định là 99% và hư hỏng xe, nhưng các chủ xe từ chối giám định thiệt hại.

Từ lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Minh Đ đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật Giao thông đường bộ và phạm vào Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo được 16 tuổi 08 tháng 21 ngày nên có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là không tuân thủ luật giao thông đường bộ, lường trước hậu quả nguy hiểm có thể xảy ra nhưng do chủ quan nên xảy ra tại nạn gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Đồng thời gây mất tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, ngoài ra bị cáo là người chưa thành niên nhận thức pháp luật có phần hạn chế nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc tính chất mức độ hành vi phạm tội, các giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nhưng với lỗi vô ý. Bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngoài ra hiện nay bị cáo chưa thành niên và đang học lớp 12 tại trường Trung học phổ thông B, cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội theo quy định tại Khoản 1 Điều 91 Bộ luật hình sự nên cần xử bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt. Mặt khác, bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng; đối chiếu với

hướng dẫn về quy định hưởng án treo tại Điều 65 Bộ luật hình sự của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện cho hưởng án treo và nhận thấy bị cáo có thể tự cải tạo mình khi được hưởng án treo, không tiếp tục vi phạm pháp luật nên cần cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách trong thời gian dài là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên không xem xét xử lý.

[6] Về vật chứng vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã xử lý: Trả lại 01 xe mô tô biển số: 93P2-391.98 cho ông Phạm Xuân Lộc và 01 xe ô tô tải, biển số: 93C-006.35 cho ông Nông Văn TH. Tại phiên tòa không ai có ý kiến và yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử thấy việc trả lại tài sản cho các chủ sở hữu là đúng quy định nên không đề cập xử lý thêm.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiển sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Phạm Minh Đ phạm Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh Đ 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án (18/12/2024).

Giao bị cáo Phạm Minh Đ về Ủy ban nhân dân xã MH, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Minh Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Công an huyện B;
- UBND xã MH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình